

Bản án số: 145/2024/DS-ST

Ngày: 27-9-2024

V/v: tranh chấp hợp đồng góp hui

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Hồng Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bé

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Minh Châu, là Thư Ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh - Kiểm sát viên

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 182/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2023, về việc: tranh chấp hợp đồng góp hui, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 208/2024/QĐXXST-DS ngày 19/8/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 159a/2024/QĐST-DS ngày 12/9/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim Th (tên gọi khác trong dây hui: X), sinh năm 1968. Địa chỉ: Ấp Nh, xã Tân H, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tấn Ph, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp Cây G, xã Hiếu Tr, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/10/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Th trình bày, yêu cầu:

Trong năm 2021 và năm 2022 âl, bà có tham gia các dây hui do vợ chồng bà Kim Thị Gi, ông Nguyễn Tấn Ph làm đầu thảo, chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không làm văn bản nhưng có giao danh sách hui viên, hình thức khai hui là hui viên nào bỏ thăm cao nhất thì hót hui, sau khi hót hui đầu thảo đi gom tiền hui của các hui viên, nhưng đến khoảng cuối năm 2022 dl bà Kim Thị Gi chết, sau đó ông Nguyễn Văn Ph không trả lại các phần hui mà bà đã đóng, gồm các dây hui như sau:

Dây hội khui ngày 10/02/2022 (al), loại hội 1.000.000 đồng/phần, có 20 hội viên và 20 phần, lần khui hội đầu tiên vào ngày 10/02/2022 al, sau đó 01 tháng khui 01 lần, thỏa thuận đầu thảo hưởng hoa hồng 500.000 đồng/lần khui hội, bà tham gia 01 phần dây 01 và 01 phần dây 02. Cụ thể:

+ Trong dây 01, bà đóng hội sống được 07 lần, với số tiền 5.230.000đ; trong đó: Lần 1, đóng 650.000đ; Lần 2, đóng 700.000đ; Lần 3, đóng 800.000đ; Lần 4, đóng 800.000đ; Lần 5, đóng 750.000đ; Lần 6, đóng 780.000đ; Lần 7, đóng 750.000đ. Đến lần thứ 8 thì úp hội, nhưng vợ chồng ông Ph chưa trả lại tiền hội sống, nay bà yêu cầu ông Ph trả lại tiền hội sống bà đã đóng 5.230.000đ, tiền lãi hội 1.770.000đ thì bà rút lại, không yêu cầu trả.

+ Trong dây 02, bà cũng đóng hội sống được 07 lần, với số tiền 5.230.000đ; trong đó: Lần 1, đóng 650.000đ; Lần 2, đóng 700.000đ; Lần 3, đóng 800.000đ; Lần 4, đóng 800.000đ; Lần 5, đóng 750.000đ; Lần 6, đóng 780.000đ; Lần 7, đóng 750.000đ. Đến lần thứ 8 thì úp hội, nhưng vợ chồng ông Ph chưa trả lại tiền hội sống, nay bà yêu cầu ông Ph trả lại tiền hội sống bà đã đóng 5.200.000đ, tiền lãi hội 1.770.000đ thì bà rút lại, không yêu cầu trả.

Dây hội khui ngày 10/02/2022 (al), loại hội 2.00.000 đồng/phần, có 17 phần, lần khui hội đầu tiên vào ngày 10/02 al, sau đó 01 tháng khui 01 lần, thỏa thuận đầu thảo hưởng huê hồng 1.000.000 đồng/lần khui hội, bà tham gia 01 phần trong dây 3, bà đóng hội sống được 07 lần, với số tiền 11.260.000đ; trong đó: Lần 1, đóng 1.400.000đ; Lần 2, đóng 1.600.000đ; Lần 3, đóng 1.600.000đ; Lần 4, đóng 1.740.000đ; Lần 5, đóng 1.700.000đ; Lần 6, đóng 1.580.000đ; Lần 7, đóng 1.640.000đ. Đến lần thứ 8 thì úp hội nhưng vợ chồng ông Ph không trả lại tiền hội sống bà đã đóng, nay bà yêu cầu ông Ph trả tiền hội sống 11.080.000đ, tiền lãi hội 2.740.000đ thì rút lại, không yêu cầu.

Dây hội khui ngày 30/4/2022 (al), loại hội 500.000 đồng/phần, có 28 phần, lần khui hội đầu tiên vào ngày 30/4/2022 al, sau đó 01 tháng khui 02 lần, thỏa thuận đầu thảo hưởng huê hồng 250.000 đồng/lần khui hội, bà tham gia 02 phần trong dây 1; 02 phần trong dây 02 và 2 phần trong dây 3. Cụ thể:

+ Trong dây 01, bà đóng hội sống được 08 lần, với số tiền 6.030.000đ; trong đó: Lần 1, đóng 02 phần bằng 740.000đ; Lần 2, đóng 02 phần bằng 760.000đ; Lần 3, đóng 02 phần bằng 740.000đ; Lần 4, đóng 02 phần bằng 780.000đ; Lần 5, đóng 02 phần bằng 780.000đ; Lần 6, đóng 02 phần bằng 760.000đ; Lần 7, đóng 02 phần bằng 740.000đ; Lần 8, đóng 02 phần bằng 730.000đ. Đến lần thứ 9 thì úp hội, nhưng vợ chồng ông Ph chưa trả lại tiền hội sống, nay bà yêu cầu ông Ph trả tiền hội sống 6.030.000đ, tiền lãi hội 1.970.000đ thì bà rút lại, không yêu cầu trả.

+ Trong dây 02, bà cũng đóng hội sống được 08 lần, với số tiền 5.960.000đ; trong đó: Lần 1, đóng 02 phần bằng 740.000đ; Lần 2, đóng 02 phần bằng 740.000đ; Lần 3, đóng 02 phần bằng 730.000đ; Lần 4, đóng 02 phần bằng 740.000đ; Lần 5, đóng 02 phần bằng 760.000đ; Lần 6, đóng 02 phần bằng 740.000đ; Lần 7, đóng 02 phần bằng 730.000đ; Lần 8, đóng 02 phần bằng 780.000đ. Đến lần thứ 9 thì úp hội, nhưng vợ chồng ông Ph chưa trả lại tiền hội

sống bà đã đóng, nay bà yêu cầu ông Ph trả tiền hội sống 5.460.000đ, tiền lãi hội 2.040.000đ thì bà rút lại, không yêu cầu trả.

+ Trong dây 03, bà cũng đóng hội sống được 08 lần, với số tiền 5.960.000đ; trong đó: Lần 1, đóng 02 phần bằng 680.000đ; Lần 2, đóng 02 phần bằng 730.000đ; Lần 3, đóng 02 phần bằng 740.000đ; Lần 4, đóng 02 phần bằng 780.000đ; Lần 5, đóng 02 phần bằng 760.000đ; Lần 6, đóng 02 phần bằng 760.000đ; Lần 7, đóng 02 phần bằng 780.000đ; Lần 8, đóng 02 phần bằng 740.000đ. Đến lần thứ 9 thì úp hội, nhưng vợ chồng ông Ph chưa trả lại tiền hội sống bà đã đóng, nay bà yêu cầu ông Ph trả tiền hội sống 5.960.000đ, tiền lãi hội 2.040.000đ thì rút lại, không yêu cầu trả.

Dây hội khui ngày 15/5/2021 (al), loại hội 2.000.000 đồng/phần có 18 phần, lần khui hội đầu tiên vào ngày 15/5/2021 al, sau đó 01 tháng khui 01 lần, thỏa thuận đầu thảo hưởng huê hồng 1.000.000 đồng/lần khui hội, bà tham gia 02 phần trong dây 1, bà đóng hội sống được 13 lần, đến khui lần thứ 14 thì bà hót 01 phần, kêu 450.000đ, hót được số tiền bao nhiêu nay không nhớ, vì lâu quá, còn 01 phần đóng hội sống được 16 lần, với số tiền 23.000.000đ trừ 01 phần hội chết nên còn 21.000.000đ, nay bà yêu cầu ông Ph trả tiền hội sống 21.000.000đ, tiền lãi hội thì rút lại, không yêu cầu trả.

Dây hội khui ngày 15/6/2021 (al), loại hội 1.000.000 đồng/phần, có 25 phần, lần khui hội đầu tiên vào ngày 16/5/2021 al, sau đó 01 tháng khui 01 lần, thỏa thuận đầu thảo hưởng huê hồng 500.000 đồng/lần khui hội, bà tham gia 02 phần, bà đóng hội sống được 15 lần, với số tiền là 20.120.000đ; trong đó: Lần 1, đóng 02 phần bằng 1.220.000đ; Lần 2, đóng 02 phần bằng 1.220.000đ; Lần 3, đóng 02 phần bằng 1.200.000đ; Lần 4, đóng 02 phần bằng 1.360.000đ; Lần 5, đóng 02 phần bằng 1.260.000đ; Lần 6, đóng 02 phần bằng 1.260.000đ; Lần 7, đóng 02 phần bằng 1.240.000đ; Lần 8, đóng 02 phần bằng 1.240.000đ; Lần 9, đóng 02 phần bằng 1.480.000đ; Lần 10, đóng 02 phần bằng 1.460.000đ; Lần 11, đóng 02 phần bằng 1.500.000đ; Lần 12, đóng 02 phần bằng 1.380.000đ; Lần 13, đóng 02 phần bằng 1.400.000đ; Lần 14, đóng 02 phần bằng 1.500.000đ; Lần 15, đóng 02 phần bằng 1.400.000đ. Đến lần thứ 16 thì úp hội, nhưng vợ chồng ông Ph không trả lại tiền hội, nay bà yêu cầu ông Ph trả tiền hội sống 20.060.00đ, tiền lãi hội 9.880.000đ thì rút lại, không yêu cầu trả.

Như vậy tổng số tiền hội sống vợ chồng ông Ph chưa trả lại cho bà trong các dây hội bà tham gia nói trên là 80.970.000đ, nhưng trừ vào 5.000.000đ bà đã nhận từ hội viên Bùi Thị O, nên còn lại 75.020.000đ bà yêu cầu một mình ông Ph trả, do hiện nay bà Gi đã chết, đối với toàn bộ tiền lãi hội thì bà rút lại, không yêu cầu trả. Ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn Ph đã được thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do nên không có lời trình bày.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án đối với thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét

xử, Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng phía nguyên đơn chấp hành có mặt theo các thông báo, triệu tập, bị đơn thì vắng mặt không lý do.

Về việc giải quyết vụ án: Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại các phiên tòa, căn cứ vào kết quả diễn biến phiên tòa và phần yêu cầu của nguyên đơn, nhận thấy: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền hui sống đã đóng sau khi cản trở được nguyên đơn thừa nhận, còn lại 75.020.000đ là có cơ sở chấp nhận, bởi việc tham gia hui này có sự xác nhận của những hui viên cùng tham gia nên đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Ph trả cho bà Th tiền hui sống 75.020.000đ, đối với các khoản tiền lãi hui mà nguyên đơn rút lại, không yêu cầu thì đề nghị đình chỉ theo quy định; về án phí đề nghị buộc bị đơn chịu toàn bộ và trả lại tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo quy định.

Những yêu cầu, kiến nghị đề nghị cần khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Sự vắng mặt tại phiên tòa của bị đơn là vắng mặt đến lần thứ hai không lý do, không đề nghị xét xử vắng mặt hoặc vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan. Nhận thấy, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đương sự theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, căn cứ vào điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Tại các đơn khởi kiện của bà Th ngày 10/10/2023, bà yêu cầu ông Ph trả tiền hui sống và tiền lãi hui của dây 01 và dây 02 khai ngày 10/02/2022 ân loại 1.000.000đ/phần, số tiền 14.000.000đ; dây 03 khai ngày 10/02/2022 ân loại 2.000.000đ/phần, số tiền 14.000.000đ; dây 01, dây 02, dây 03 khai ngày 30/4/2022 ân, loại hui 500.000đ/phần, số tiền 24.000.000đ; dây khai ngày 15/6/2021 ân loại 1.000.000đ/phần, số tiền 30.000.000đ; dây 01 khai ngày 15/5/2021 ân loại 2.000.000đ/phần, số tiền 62.000.000đ, cộng tất cả bằng 144.000.000đ. Tại lời trình bày trong các biên bản và tại phiên tòa, bà Th giữ yêu cầu khởi kiện đòi ông Ph trả tiền hui, nhưng có thay đổi, rút một phần do cộng sai số tiền, do cản trở một phần vào hui viên khác và rút phần tiền lãi hui, số tiền còn lại bà Th yêu cầu là 75.020.000đ. Nhận thấy: qua xác nhận của các hui viên cùng tham gia trong các dây hui và các danh sách hui viên tham gia (bút lục từ 124 – 159) thể hiện việc bà Th có tham gia các dây hui do vợ chồng ông Ph làm đầu thảo nêu trên là có thật, tại thời điểm giải quyết vụ án vợ ông Ph là bà Kim Thị Gi đã chết (chết năm 2022) nên bà Th không yêu cầu đối với bà Gi. Do đó, có cơ sở buộc ông Ph trả cho bà Th tiền hui sống (gốc) bằng 75.020.000đ. Đối với tiền lãi hui, một phần tiền đã được cản trở và phần bà Thoa tính sai là 68.980.000đ, tại phiên tòa nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu, tuy bị đơn vắng mặt nhưng có lợi cho bị đơn nên có căn cứ đình chỉ xét xử theo điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự và không phải chịu tiền án phí phần đã rút, đương sự được quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[3] Đối với ông Ph, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần, song song đó Tòa án có thông báo bằng cách gọi điện cho

ông Phát thông qua số điện thoại ông Ph sử dụng tại thời điểm giải quyết, xét xử vụ án 0977.179.932 và 0384.006.364 và được ông Ph trả lời sẽ có mặt theo Tòa án thông báo, nhưng đương sự vắng mặt không lý do, không có văn bản nêu ý kiến của mình, cũng không có yêu cầu phản tố, coi như họ từ bỏ quyền được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[4] Quan điểm phát biểu của Kiểm sát viên là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử như nêu trên, nên có căn cứ chấp nhận

[5] Về án phí: căn cứ vào điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và **điều 26 của** Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định, buộc bị đơn chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, nguyên đơn không phải chịu án phí và được trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, họ biểu phường; Căn cứ vào khoản 2 điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Tấn Ph có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Kim Th, số tiền 75.020.000đ (*bằng chữ*: bảy mươi lăm triệu, không trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án (tất cả các khoản tiền) theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử đối với số tiền 68.980.000đ (*bằng chữ*: sáu mươi tám triệu, chính trăm tám mươi nghìn đồng) mà nguyên đơn rút yêu cầu, đương sự được quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Tấn Ph có nghĩa vụ chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bằng 3.751.000 đồng.

Trả lại bà Nguyễn Thị Kim Th tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh, cụ thể như sau: (1) Tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số : 0000256 ngày 08/12/2023 ; (2)

Tiền tạm ứng án phí 503.000 đồng, theo biên lai thu tiền số : 0000257 ngày 08/12/2023 ; (3) Tiền tạm ứng án phí 579.750 đồng, theo biên lai thu tiền số : 0000258 ngày 08/12/2023 ; (4) Tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số : 0000259 ngày 08/12/2023 ; (5) Tiền tạm ứng án phí 448.750 đồng, theo biên lai thu tiền số : 0000260 ngày 08/12/2023.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Kim Thị Hồng Nga